

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

BẢNG GHI ĐIỂM
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: N17KDN

TÊN MÔN: BÀI THỂ DỤC TAY KHÔNG CHẠY NGÂN

Tin chỉ: 1

MÃ MÔN: ES 101

Học kì: 1

Ngày thi:

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
					1								
1	1712219825	Trần Thị Kim Anh	N17KDN1	10	10				10.0	6	7.6	Bảy phẩy Sáu	
2	1712219829	Trần Thị Bé	N17KDN1	0	0				0.0	0	0.0	Không	Cấm thi,
3	1712219833	Ngô Thị Lan Chi	N17KDN1	10	9				9.0	5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
4	1712219844	Mai Thị Dương	N17KDN1	7	10				10.0	6	7.3	Bảy phẩy Ba	
5	1712219851	Lê Nguyễn Mỹ Hạnh	N17KDN1	10	8				8.0	6	7.0	Bảy	
6	1712219873	Vô Thị Quỳnh Ngân	N17KDN1	10	10				10.0	9	9.4	Chín phẩy Bốn	
7	1712219885	Lê Thị Thu Sang	N17KDN1	7	8				8.0	6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
8	1712219888	Nguyễn Thị Bích Thành	N17KDN1	10	9				9.0	5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
9	1712219890	Nguyễn Thị Nam Thảo	N17KDN1	10	10				10.0	9	9.4	Chín phẩy Bốn	
10	1712219901	Bùi Thị Thủy	N17KDN1	10	8				8.0	5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
11	1712219902	Nguyễn Thị Thu Thủy	N17KDN1	10	8				8.0	5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
12	1713219820	Cung Đình An	N17KDN1	7	9				9.0	7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
13	1713219842	Nguyễn Việt Dũng	N17KDN1	3	6				6.0	9	7.5	Bảy phẩy Năm	
14	1713219891	Vô Nguyễn Minh Thiên	N17KDN1	3	8				8.0	7	6.9	Sáu phẩy Chín	
15	1713219919	Phan Thanh Vũ	N17KDN1	0	0				0.0	0	0.0	Không	Cấm thi,
16	1712219831	Phạm Thị Bốn	N17KDN2	7	8				8.0	5	6.1	Sáu phẩy Một	
17	1712219846	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	N17KDN2	7	7				7.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
18	1712219848	Phạm Trần Thu Hà	N17KDN2	7	9				9.0	5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
19	1712219849	Vương Mỹ Hằng	N17KDN2	7	8				8.0	4	0.0	Không	
20	1712219850	Bùi Diễm Hằng	N17KDN2	7	8				8.0	0	0.0	Không	
21	1712219859	Lê Phan Thùy Hương	N17KDN2	3	8				8.0	6	6.3	Sáu phẩy Ba	
22	1712219860	Đinh Thị Thu Hương	N17KDN2	3	8				8.0	6	6.3	Sáu phẩy Ba	
23	1712219876	Huỳnh Nguyễn Hoài Như	N17KDN2	7	8				8.0	4	0.0	Không	
24	1712219881	Phí Thị Minh Phương	N17KDN2	7	8				8.0	5	6.1	Sáu phẩy Một	
25	1712219892	Nguyễn Thị Kim Thoa	N17KDN2	7	8				8.0	0	0.0	Không	
26	1712219896	Nguyễn Thị Thương	N17KDN2	7	9				9.0	5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
27	1713114743	Nguyễn Hà Công Thành	N17KDN2	7	7				7.0	7	7.0	Bảy	
28	1713219837	Nguyễn Anh Đức	N17KDN2	7	8				8.0	7	7.3	Bảy phẩy Ba	
29	1713219856	Trần Nhật Hoàng	N17KDN2	0	0				0.0	0	0.0	Không	Cấm thi,
30	1713219909	Lê Quang Trí	N17KDN2	7	7				7.0	7	7.0	Bảy	
31	1713219913	Hoàng Minh Tuấn	N17KDN2	3	8				8.0	9	8.1	Tám phẩy Một	
32	1713219918	Phạm Thanh Việt	N17KDN2	10	7				7.0	8	7.9	Bảy phẩy Chín	
33	1713219922	Phan Nhật Vỹ	N17KDN2	0	0				0.0	0	0.0	Không	Cấm thi,
1	0001	Lê Trung Thắng	K12TCXD	7	6				6.0	8	7.3	Bảy phẩy Ba	
2	0002	Lê Phú Hoàng Lộc	K15NKT5	1	8				8.0	9	7.9	Bảy phẩy Chín	
3	0003	Hoàng Hùng Cường	TCXD1	1	8				8.0	8	7.3	Bảy phẩy Ba	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
				10%				30%	60%	100%		
	STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ		GHI CHÚ						
	1	Số sinh viên đạt:	28	78%								
	2	Số sinh viên nợ:	8	22%								
	TỔNG CỘNG :		36	100%								

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TT GDTC&QP
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 08 năm 2013
 PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

guyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Hữu Phú